

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2020/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2016NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 2 quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 37/TTr-STC ngày 24 tháng 12 năm 2019, Công văn số 281/STC-NS ngày 13 tháng 02 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 221/BC-STP ngày 10 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi

chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 1 như sau:

“a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí từ khoản tiền thu được theo quy định tại Quyết định này và kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (sau đây gọi tắt là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất) có sử dụng đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định tại Quyết định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở Tài chính thông báo, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước vào ngân sách theo thông báo của Sở Tài chính.

c) Lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê đất theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với cơ quan, tổ chức ngoài Khu kinh tế Dung Quất), Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (đối với Khu kinh tế Dung Quất theo thẩm quyền), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân) đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Trách nhiệm của các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Quản lý tài nguyên môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý tài nguyên môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố:

- Việc nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang sử dụng mục đích phi

nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố khi trình cơ quan có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất phải xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp (nếu có) làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách.

- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với cơ quan, tổ chức ngoài Khu kinh tế Dung Quất), Phòng Quản lý tài nguyên môi trường tham mưu cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (đối với Khu kinh tế Dung Quất theo thẩm quyền), Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân) xác nhận diện tích đất trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo bản kê khai diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và gửi lại cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp. Nội dung xác nhận phải ghi rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, vị trí và giá của loại đất được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng.

Thời gian xác nhận thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

b) Sở Tài chính:

- Tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách tỉnh.

- Căn cứ vào xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, vị trí và giá của loại đất trồng lúa nước của Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với cơ quan, tổ chức ngoài Khu kinh tế Dung Quất), Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (thuộc Khu kinh tế Dung Quất theo thẩm quyền), Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân) và đơn đề nghị xác định số tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước và thông báo cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

Thời gian thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

- Theo dõi việc nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo thông báo của Sở Tài chính.

- Hằng năm, trên cơ sở nguồn kinh phí thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhu cầu sử dụng kinh phí để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc sử dụng kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

- Hằng năm, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ và đề nghị của các cơ quan, đơn vị liên quan về nhu cầu sử dụng kinh phí để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính.

d) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi:

- Chỉ đạo Phòng Quản lý tài nguyên môi trường tham mưu xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp và xác nhận diện tích đất trồng lúa nước theo bản kê khai của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định này.

- Xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp và xác nhận diện tích đất trồng lúa nước theo bản kê khai của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định này.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Việc nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa là thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

- Hằng năm, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nhu cầu kinh phí để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp và cung cấp thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp để Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở xác nhận thông tin đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp (diện tích, vị trí, đơn giá), gửi người được Nhà nước giao đất,

cho thuê đất làm căn cứ xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất lúa phải nộp (Đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp và xác nhận diện tích đất trồng lúa nước theo bản kê khai của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020. Các nội dung khác tại Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng